

SƠ ĐỒ EPC — CATALOGUE PHỤ TÙNG

BỘ PHỤ TÙNG E - 19 - 20  
CATALOGUE VÁCH MÁY PHẢI  
HONDA LEAD 125

Sơ đồ EPC · CATALOGUE LEAD 125 (07/2017-06/2019) · Dùng  
cho HONDA LEAD (2017,2018,2019)

Sơ đồ online:

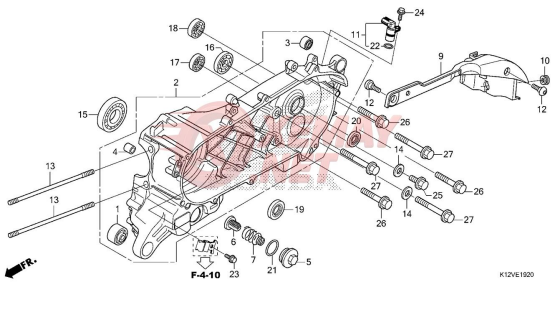
<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-e-19-20-catalogue-vach-may-phai-honda-lead-125--EPCDOV0002244> — mở link hoặc quét QR bên phải để xem sơ đồ tương tác, click từng phụ tùng để có giá + tồn kho.

Thống kê nhanh

|                                          |                                    |                                    |
|------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|
| <b>Tổng số phụ<br/>tùng:</b> 28 chi tiết | <b>Có giá tham<br/>khảo:</b> 28/28 | <b>Tổng giá trị:</b><br>2,421,361đ |
|------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|

\* Số lượng và giá tham khảo tại thời điểm cập nhật (29/07/2026). Giá có thể thay đổi — vui lòng liên hệ để có giá thực tế.

EPC · BỘ PHỤ TÙNG E - 19 - 20  
CATALOGUE VÁCH MÁY PHẢI HONDA LEAD  
125



|               |                                         |
|---------------|-----------------------------------------|
| Mã EPC        | EPCDOV0002244                           |
| Thương hiệu   | HONDA                                   |
| Dòng xe       | LEAD                                    |
| Năm SX        | 2017,2018,2019                          |
| Loại hệ thống | ENGINE                                  |
| Danh mục      | CATALOGUE LEAD 125<br>(07/2017-06/2019) |
| Số phụ tùng   | 28 chi tiết                             |
| Tổng giá trị  | 2,421,361đ                              |



Quét xem sơ đồ online

Danh sách phụ tùng chi tiết (28 phụ tùng)

Các phụ tùng đơn lẻ thuộc sơ đồ EPC **BỘ PHỤ TÙNG E - 19 - 20 CATALOGUE VÁCH MÁY PHẢI HONDA LEAD 125**:

| # | Tên phụ tùng                                                                                                                                                                    | Mã SKU      | SL | Giá lẻ     |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----|------------|
| 1 | Bạc cao su bắt động cơ 11103-KVB-930<br>HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, AIR BLADE 160, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE, VARIO 160, VISION 110                             | 11103KVB930 | 1  | 39,178đ    |
| 2 | Thân máy trái 11200-K12-930 HONDA LEAD 125                                                                                                                                      | 11200K12930 | 1  | 1,062,277đ |
| 3 | Bạc cao su bắt giảm xóc 11203-K35-J00<br>HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, AIR BLADE 160, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE, VARIO 160, VISION 110                            | 11203K35J00 | 1  | 34,827đ    |
| 4 | Bạc lót chân chống chính 11205-GBC-300<br>HONDA AIR BLADE 110, AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, AIR BLADE 160, CLICK 110, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE, VARIO 160, VISION 110 | 11205GBC300 | 1  | 27,133đ    |

| #  | Tên phụ tùng                                                                                                                                                | Mã SKU                      | SL | Giá lẻ   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----|----------|
| 5  | Nắp lỗ điều chỉnh xu páp 12361-035-000<br>HONDA Xe Ga, Xe Số                                                                                                | <a href="#">12361035000</a> | 1  | 32,536đ  |
| 6  | Lưới lọc dầu 15421-KPL-900 HONDA AIR BLADE 110, AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE, VISION 110                                 | <a href="#">15421KPL900</a> | 1  | 32,536đ  |
| 7  | Lò xo lưới lọc dầu nhớt 15426-KVB-900 HONDA AIR BLADE 110, AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, CLICK 110, LEAD 110, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE, VISION 110 | <a href="#">15426KVB900</a> | 1  | 18,090đ  |
| 9  | Tấm bảo vệ cảm biến tốc độ 32112-K12-900<br>HONDA LEAD 125                                                                                                  | <a href="#">32112K12900</a> | 1  | 35,327đ  |
| 10 | Cao su đệm 32113-KWN-900 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, LEAD 125, SH MODE                                                                              | <a href="#">32113KWN900</a> | 1  | 14,472đ  |
| 11 | Bộ cảm biến tốc độ 37700-K12-V01 HONDA LEAD 125                                                                                                             | <a href="#">37700K12V01</a> | 1  | 221,318đ |
| 12 | Bu lông chìm 6x18 90001-KWR-000 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, AIR BLADE 160, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE, VARIO 160, VISION 110                 | <a href="#">90001KWR000</a> | 1  | 18,090đ  |
| 13 | Bu lông cấy B xylanh 8x206 90032-KWN-900 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE                                              | <a href="#">90032KWN900</a> | 1  | 42,146đ  |
| 14 | Vòng đệm dầu 8MM 90495-MN5-000 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, AIR BLADE 160, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE, VARIO 160                              | <a href="#">90495MN5000</a> | 1  | 29,463đ  |
| 15 | Vòng bi 6207 (NACHI) (Thái) 91002-KZR-602 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE                                             | <a href="#">91002KZR602</a> | 1  | 202,074đ |
| 16 | Vòng bi 6204 (NACHI) (Thái) 91003-KZR-602 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, AIR BLADE 160, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE, VARIO 160                   | <a href="#">91003KZR602</a> | 1  | 118,110đ |
| 17 | Vòng bi 6301 91005-KZR-601 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, AIR BLADE 160, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE, VISION 110                                 | <a href="#">91005KZR601</a> | 1  | 67,494đ  |
| 17 | Vòng bi 6301 (NACHI) (Thái) 91005-KZR-602 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE                                             | <a href="#">91005KZR602</a> | 1  | 76,460đ  |
| 18 | Vòng bi 6302 (china) 91008-KZR-601 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE, VISION 110                                        | <a href="#">91008KZR601</a> | 1  | 63,843đ  |
| 18 | Vòng bi 6302 (NACHI) (Thái) 91008-KZR-602 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE                                             | <a href="#">91008KZR602</a> | 1  | 94,622đ  |
| 19 | Phốt dầu 26X45X6 91202-KWN-901 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE                                                        | <a href="#">91202KWN901</a> | 1  | 33,273đ  |
| 20 | Phốt dầu 20x32x6 91203-K35-J01 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 160, LEAD 125, SH 125, SH 150, VARIO 160, VISION 110                                          | <a href="#">91203K35J01</a> | 1  | 33,273đ  |

| #  | Tên phụ tùng                                                                                           | Mã SKU       | SL | Giá lẻ  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----|---------|
| 21 | Phốt O 30.8MM 91302-001-020 HONDA AIR BLADE, CLICK, LEAD, PCX, SH, SH MODE, VISION                     | 91302001020  | 1  | 18,090đ |
| 22 | Phốt O 91303-K27-V01 HONDA AIR BLADE 125, AIR BLADE 150, LEAD 125, SH 125, SH 150, SH MODE, VISION 110 | 91303K27V01  | 1  | 21,708đ |
| 23 | Bu lông 6x12 95701-060-1200 HONDA Xe Ga, Xe Số                                                         | 957010601200 | 1  | 10,854đ |
| 24 | Bu lông 6x16 95701-060-1600 HONDA Xe Ga, Xe Số                                                         | 957010601600 | 1  | 10,854đ |
| 25 | Bu lông 8X16 95701-080-1600 HONDA Xe Ga, Xe Số                                                         | 957010801600 | 1  | 14,472đ |
| 26 | Bu lông 8X45 95701-080-4500 HONDA AIR BLADE, DREAM, FUTURE, LEAD, PCX, SH, SH MODE, WAVE               | 957010804500 | 1  | 21,708đ |
| 27 | Bu lông 8x55 95701-080-5500 HONDA AIR BLADE, DREAM, LEAD, PCX, SH, SH MODE                             | 957010805500 | 1  | 27,133đ |

\* Danh sách được tạo tự động từ hệ thống [DOV Panel](#) — hiển thị tối đa 200 phụ tùng đầu tiên.

Tìm kiếm liên quan

[Tất cả phụ tùng HONDA](#) · [Phụ tùng LEAD](#) · [Tất cả sơ đồ EPC](#)

Hướng dẫn tra cứu

**Cách sử dụng sơ đồ EPC:**

- Xác định vị trí phụ tùng cần thay trên xe.
- Đối chiếu với ảnh sơ đồ EPC ở trên — mỗi phụ tùng có số thứ tự (STT).
- Tra STT trong bảng bên trên để lấy **Mã SKU** chính xác.
- Cung cấp mã SKU cho cửa hàng hoặc tra cứu online tại <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-e-19-20-catalogue-vach-may-phai-honda-lead-125--EPCDOV002244> để biết giá và nơi bán.

Trích dẫn tài liệu này

**APA (7th ed.):**

DOV Wiki Phụ Tùng. (2026). Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG E - 19 - 20 CATALOGUE VÁCH MÁY PHẪI HONDA LEAD 125 (EPCDOV0002244). Truy cập ngày 29/07/2026, từ <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-e-19-20-catalogue-vach-may-phai-honda-lead-125--EPCDOV0002244>

**MLA (9th ed.):**

"Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG E - 19 - 20 CATALOGUE VÁCH MÁY PHẪI HONDA LEAD 125 (EPCDOV0002244)." *DOV Wiki Phụ Tùng*, 2026-07-29, <https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-e-19-20-catalogue-vach-may-phai-honda-lead-125--EPCDOV0002244>. Truy cập 29/07/2026.

**Chicago (17th ed.):**

DOV Wiki Phụ Tùng. "Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG E - 19 - 20 CATALOGUE VÁCH MÁY PHẢI HONDA LEAD 125 (EPCDOV0002244)." Cập nhật 2026-07-29.  
<https://wiki.dov.vn/epc/bo-phu-tung-e-19-20-catalogue-vach-may-phai-honda-lead-125--EPCDOV0002244>.

**Tài liệu này**

Sơ đồ EPC: BỘ PHỤ TÙNG E - 19 - 20 CATALOGUE  
VÁCH MÁY PHẢI HONDA LEAD 125  
(EPCDOV0002244)

**Cập nhật lần cuối**  
29/07/2026

Dữ liệu sơ đồ EPC từ <https://panel.dov.vn>. Tài liệu tự sinh — không thay thế sơ đồ EPC chính thức từ nhà sản xuất.